

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TUY PHONG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: **75/2024/HNGĐ-ST**.

Ngày: 06-9-2024

V/v: *Tranh chấp*

“Ly hôn và con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Nam Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Tây Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Bích Hà Vy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13/8/2024, đối với các đương sự,

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Mỹ T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Xóm 16, Thôn H T 01, xã C C1, huyện T P, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông **Trần Thanh L**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm 16, Thôn H T 01, xã C C1, huyện T P, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ly hôn, nguyên đơn Trương Thị Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Thanh L quen biết và tìm hiểu được một thời gian thì quyết định chung sống với nhau vào năm 2012, hai bên có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C C1, huyện T P, tỉnh Bình Thuận vào năm 2012. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống bên

nhà tôi xóm 16, thôn H T 01, xã C C1, huyện T P, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, từ năm 2015, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, mỗi lần cãi nhau là ông L bỏ nhà đi, không quan tâm đến vợ con. Vì không muốn ảnh hưởng đến con cái nên bà đã im lặng để gia đình êm ấm. Tuy nhiên, càng về sau bà nhận thấy mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Vì vậy, bà và ông L quyết định ly thân từ năm 2015 đến nay không còn quan tâm, liên lạc. Bà nhận thấy ai cũng có cuộc sống riêng, không còn tình cảm, ly thân cũng đã lâu nên bà yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông Trần Thanh L có 01 (một) con chung tên là: Trần Thị Thanh L1; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 12/12/2012.

Từ khi vợ chồng không còn sống chung thì con được bà trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Nay bà nhận thấy để ổn định cho việc sinh hoạt học hành của con nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước và sau khi nộp đơn ly hôn tại Tòa bà đã nhiều lần thông báo cho ông L biết, ông L im lặng. Bà nghĩ cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn, không còn quan tâm nhau, ly thân cũng 09 năm nay, nếu ông L có thiện chí muốn hàn gắn vợ chồng thì ông phải thể hiện sự níu kéo, nhưng ông bỏ mặc mọi thứ điều đó thể hiện ông L không còn muốn đoàn tụ, hàn gắn vợ chồng với tôi.

2. Đối với bị đơn ông Trần Thanh L: Theo biên bản xác minh tại xóm 16, thôn H T 01, xã C C1, huyện T P, tỉnh Bình Thuận thì ông Trần Thanh L có nơi cư trú tại xóm 16, thôn H T 01, xã C C1, huyện T P, tỉnh Bình Thuận và hiện thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Trần Thanh L theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông L vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà Trương Thị Mỹ T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Mỹ T có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa bà T với ông Trần Thanh L (có nơi cư trú tại Xóm 16, thôn H T 01, xã C C1, huyện T P, tỉnh Bình Thuận), nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu ông Trần Thanh L đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng ông Trần Thanh L không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Trần Thanh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Thị Mỹ T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh L. Bà Trương Thị Mỹ T kết hôn với ông Trần Thanh L trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã C C1, huyện T P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 128, Quyền số: 01/2012, ngày 24-7-2012. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của bà T với ông L do Ủy ban nhân dân xã C C1, huyện T P, tỉnh Bình Thuận cấp và bà T giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Bà T trình bày bà và ông L trong quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, ông L không có trách nhiệm với vợ con, ly thân cũng 09 năm nay lời trình bày của bà T phù hợp với thông tin từ người thân và địa phương nơi ông bà sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông L đến giải quyết nhưng ông L không chấp hành, điều này chứng tỏ ông L không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T với ông L không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn

cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Mỹ T.

[3] Về con chung: Bà Trương Thị Mỹ T và ông Trần Thanh L có 01 (một) con chung tên là: Trần Thị Thanh L1; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 12/12/2012. Từ khi vợ chồng không còn sống chung thì con được bà trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Nay bà nhận thấy để ổn định cho việc sinh hoạt học hành của con nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành điều này phù hợp với tình hình thực tế cuộc sống và nguyện vọng của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Trần Thị Thanh L1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Do bà T không có yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông Trần Thanh L.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Mỹ T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trương Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Mỹ T đối với ông Trần Thanh L. Giấy chứng nhận kết hôn số 128, Quyển số: 01/2012, ngày 24-7-2012 của Ủy ban nhân dân xã C C1, huyện T P, tỉnh Bình Thuận hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên: Trần Thị Thanh L1; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 12/12/2012 cho bà Trương Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần

Thanh L không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trương Thị Mỹ T không yêu cầu.

Bà Trương Thị Mỹ T có quyền khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh L cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Ông Trần Thanh L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006813 ngày 10/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

4. Quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Mỹ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/9/2024); Ông Trần Thanh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiên Uyên